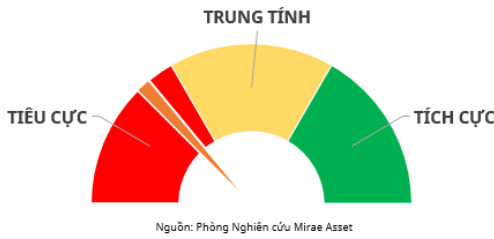


Thang đo sức mạnh thị trường



07 Tháng Năm 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

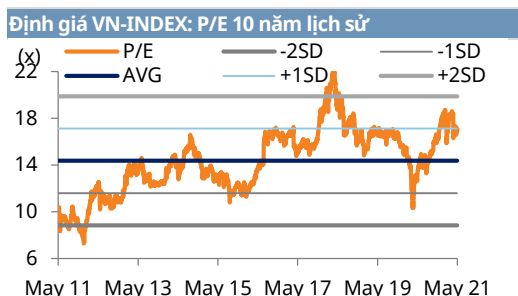
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,241.81	0.20	-0.05	55.90
HNX	279.86	-0.67	-4.43	158.39
UPCOM	80.85	0.21	-2.07	54.38
MSCI EM	1,340.80	-0.51	0.15	49.49
NIKKEI	29,357.82	1.89	-1.25	49.22
HANG SENG	28,610.65	-0.40	-0.22	19.31
KOSPI	3,197.20	1.57	1.91	65.78
FTSE	7,113.45	2.05	3.31	19.84
S&P 500	4,201.62	0.49	2.98	45.83
NASDAQ	13,632.84	-2.36	-0.41	51.82

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.95	2.51	15.05
SET INDEX	38.25	1.72	4.48
JCI INDEX	27.87	1.50	4.63
PCOMP INDEX	26.52	1.54	6.14

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.16	-2	2	-104
10 năm	2.37	1	-2	-72

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,065	-0.05	0.07	1.50
US\$/KRW	1,121	-0.79	-0.46	9.24
US\$/JPY	109	0.17	0.67	-2.60
US\$/EUR	0.83	-0.52	-1.73	-10.33
US\$/GBP	0.72	-0.73	-1.28	-11.16
US\$/SGD	1.33	-0.04	0.75	6.27

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	771	754	391
HNX	86	112	51
UPCOM	41	40	24



Nhận định thị trường

Lực cầu mạnh giúp thu hẹp đà giảm

Áp lực bán tháo sau thông tin lo lắng khi một số tỉnh dính ca dương tính Covid khiến cho VN-Index ghi nhận mức giảm điểm mạnh ở phiên hơn 18 điểm. Tuy nhiên, lực cầu ở vùng giá thấp đã giúp đà giảm điểm có phần thu hẹp lại và đóng cửa phiên ghi nhận mức giảm hơn 8 điểm, đóng cửa tuần ở mốc 1,241 điểm (-07% DoD).

TCB, CTG và HPG là những mã hỗ trợ tích cực ở chiều tăng điểm khi lần lượt đóng góp 5,6 điểm; 3,0 điểm và 2,4 điểm. Ở chiều ngược lại, VNM và VCB là mã tác động giảm điểm mạnh lên VN-Index với điểm số 3,6 điểm và 3,0 điểm.

Xu hướng bán ròn của khối ngoại vẫn tiếp tục duy trì trong phiên hôm nay với giá trị bán ròn hơn 337 tỷ đồng ở trên cả 2 sàn HSX và HNX. Trong đó, VPB và HPG là 2 mã chịu áp lực bán ròn mạnh với giá trị lần lượt đạt 368 tỷ và 123 tỷ.

Diễn biến giảm điểm đã khiến cho điểm số đánh giá của VN-Index giảm từ mức đánh giá +2 điểm về mức đánh giá 0 điểm với trạng thái đánh giá duy trì ở mức TRUNG TÍNH

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-3	TRUNG TÍNH
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	5	KHẢ QUAN
Dow Jones	3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 7.536 tỷ đồng TPCP, đạt tỷ lệ 75,4%, tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu đã tiếp tục giảm về mức 2,2 lần từ mức 2,4 lần của tuần trước. Kỳ hạn 7 năm thành công 250/500 tỷ đồng tại mức lợi suất 1,45% (+0bps); kỳ hạn 10 năm phát hành thành công 4.936 tỷ đồng trên tổng số 4.000 tỷ đồng phát hành lần đầu và 2.000 tỷ đồng phát hành bổ sung tại mức lợi suất 2,37% (+1bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 1.850/ 3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,58% (+2bps) và toàn bộ 500 tỷ đồng của kỳ hạn 20 năm đã được phát hành thành công tại mức lợi suất 2,90% (+1bps).
- Ngày 12/05, KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 8.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 4.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; và (4) kỳ hạn 30 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** trong tuần từ 27/04–5/5, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm, 2 tuần, 3 tháng, và 6 tháng tiếp tục tăng. Cụ thể kỳ hạn O/N tăng 9bps lên 1,14%, kỳ hạn 2 tuần tăng 1bps lên mức 1,21%, kỳ hạn 3 tháng tăng 7bps lên mức 1,67%, kỳ hạn 6 tháng tăng 8bps lên 2,76%. Trong khi đó, lãi suất kỳ hạn 1 tuần và 1 tháng giảm lần lượt xuống 1,31% (-22bps) và 1,25% (-8bps).
- **Tỷ giá VND/USD** tại ngày 7/5/21 của NHNN đã tăng 0,091% WoW lên mức 23.179 VND/USD. Tương tự tỷ giá NHTM đã tăng 0,087% ở chiều mua và tăng 0,086% ở chiều bán lên mức 22.950 – 23.160 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do giảm 0,973% và 0,845% lần lượt ở chiều mua và chiều bán xuống mức 23.400 – 23.480 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

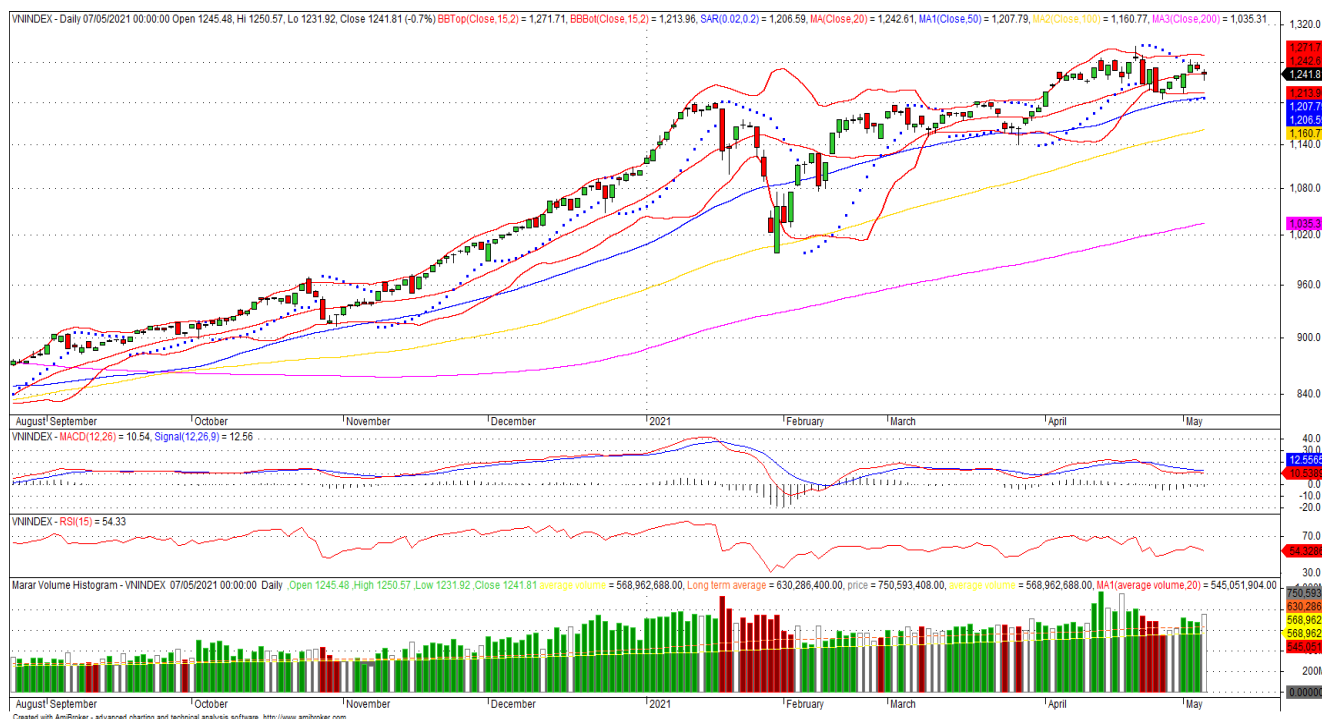
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (07/05/2021)	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.350
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.200
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.150

VN-Index tiếp tục duy trì ở trên ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn quanh ngưỡng MA 20 ngày khối lượng tiếp tục duy trì ở mức cao và chưa có sự thay đổi

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

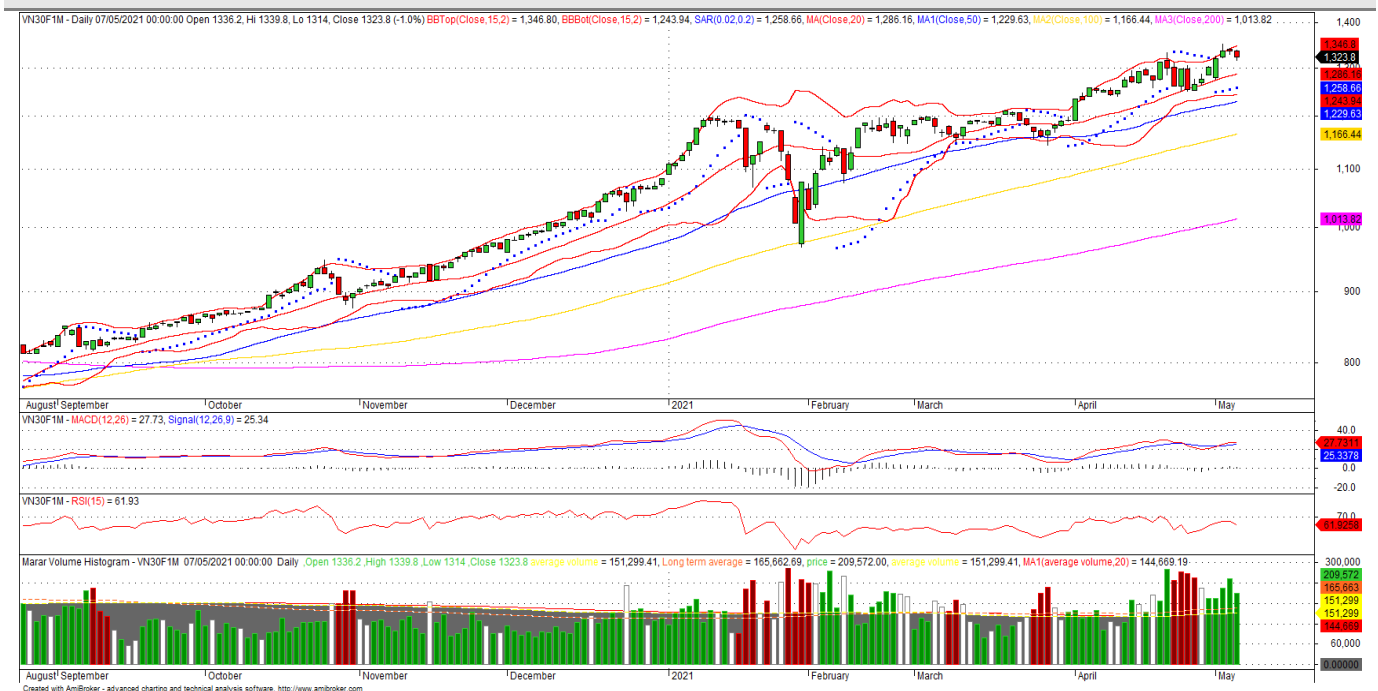
Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (07/05/2021)	1.323	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.350
VN30 - đóng cửa	1.340	Hỗ trợ 1	1.200
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-16.9	Hỗ trợ 2	1.150

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	2	TRUNG TÍNH

Hiện tại VN30F1M vẫn đang giao dịch ở vùng giá lịch sử và có sự phục hồi tích cực khi về những vùng hỗ trợ ngắn hạn. Tuy nhiên, với các thông tin về dịch bệnh sẽ khiến cho VN30F1M sẽ có những phiên biến động mạnh, vì vậy chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên đứng ngoài theo dõi và không nên mở vị thế mới trong giai đoạn này

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.35	5,237,750	-7	TIÊU CỰC	3,404	11.0	0.9
ACB	35.2	8,473,065	6	KHẢ QUAN	76,087	8.8	2.0
AMD	7.38	12,226,480	-2	TRUNG TÍNH	1,207	49.1	0.7
ART	9.1	7,896,435	-2	TRUNG TÍNH	882	33.7	0.8
ASM	13.45	2,444,530	-7	TIÊU CỰC	3,482	7.7	0.8
BID	40.65	3,157,700	-6	TIÊU CỰC	163,495	19.9	2.1
BSR	14.9	11,959,205	-2	TRUNG TÍNH	46,197	#N/A N/A	1.5
BVH	54.2	1,020,915	-7	TIÊU CỰC	40,234	21.3	2.0
CEO	9.5	5,243,745	-4	TIÊU CỰC	2,445	#N/A N/A	0.8
CII	19.85	2,291,390	-5	TIÊU CỰC	4,741	353.9	1.0
CTD	58.6	585,940	-5	TIÊU CỰC	4,353	17.5	0.5
CTG	43.8	16,507,460	7	KHẢ QUAN	163,085	9.2	1.8
CTR	82.5	480,065	0	TRUNG TÍNH	5,922	21.2	5.6
DBC	57	1,718,575	4	KHẢ QUAN	5,972	4.1	1.3
DCM	15.55	2,659,520	-6	TIÊU CỰC	8,232	13.9	1.3
DGC	68.4	791,170	7	KHẢ QUAN	11,702	12.4	2.8
DGW	119	306,285	4	KHẢ QUAN	5,117	15.6	4.0
DIG	27.05	3,812,280	-2	TRUNG TÍNH	9,381	12.4	2.0
DLG	2.97	14,299,365	-7	TIÊU CỰC	889	#N/A N/A	0.4
DXG	23.35	7,762,170	0	TRUNG TÍNH	12,102	#N/A N/A	1.8
EIB	25.7	1,426,370	-4	TIÊU CỰC	31,596	36.1	1.9
FIT	10.1	4,499,980	-6	TIÊU CỰC	2,573	37.8	0.8
FLC	11.5	34,708,752	-2	TRUNG TÍNH	8,165	5.9	0.8
FPT	83	2,359,305	6	KHẢ QUAN	65,497	17.6	3.9
FRT	27.1	1,384,685	-2	TRUNG TÍNH	2,140	113.9	1.8
GAS	84	950,805	2	TRUNG TÍNH	160,772	21.3	3.2
GEX	26	6,465,915	-6	TIÊU CỰC	12,694	12.3	1.8
GMD	34.1	2,343,955	4	KHẢ QUAN	10,277	27.4	1.7
GVR	24.8	3,144,010	2	TRUNG TÍNH	99,200	22.7	2.1
HAG	5.3	12,180,410	-4	TIÊU CỰC	4,915	#N/A N/A	1.1
HAH	25.75	1,252,230	2	TRUNG TÍNH	1,220	9.4	1.1
HAI	4.65	8,606,125	-7	TIÊU CỰC	849	92.3	0.4
HAP	14.4	2,234,265	1	TRUNG TÍNH	799	18.3	1.2
HBC	15.3	5,805,880	-2	TRUNG TÍNH	3,532	39.9	1.0
HCM	31.75	3,936,750	-2	TRUNG TÍNH	9,685	12.9	2.0
HDB	30	5,757,485	7	KHẢ QUAN	47,813	9.7	1.9
HDG	40.3	964,510	4	KHẢ QUAN	6,217	5.7	1.9
HNG	10.7	13,808,705	-7	TIÊU CỰC	11,862	455.7	1.4
HPG	60.8	25,899,424	5	KHẢ QUAN	201,448	11.1	3.1
HPX	33.75	941,550	6	KHẢ QUAN	8,927	82.7	2.7
HQC	3.39	25,956,130	-7	TIÊU CỰC	1,616	226.7	0.4
HSG	36.7	12,072,650	7	KHẢ QUAN	16,318	7.0	2.0
HUT	6	6,202,300	-2	TRUNG TÍNH	1,612	#N/A N/A	0.5
IDC	34.3	2,877,080	0	TRUNG TÍNH	10,290	33.8	2.9
IJC	26.8	2,915,615	4	KHẢ QUAN	5,818	8.8	1.7
ITA	7.21	20,645,164	-4	TIÊU CỰC	6,765	32.5	0.6
KBC	36.4	5,263,200	-6	TIÊU CỰC	17,099	22.2	1.7
KDC	51	1,155,430	-4	TIÊU CỰC	11,666	38.0	2.0
KDH	36.3	4,605,495	4	KHẢ QUAN	20,285	17.0	2.4
KLF	5.1	14,236,490	-6	TIÊU CỰC	843	#N/A N/A	0.5
KSB	27.4	1,408,165	4	KHẢ QUAN	1,826	7.3	1.1
LCG	13.7	2,721,160	4	KHẢ QUAN	1,579	4.4	0.9

LDG	7.16	8,522,810	-7	TIÊU CỰC	1,714	155.7	0.6
LPB	21.6	15,948,610	1	TRUNG TÍNH	23,212	10.3	1.5
MBB	31.6	18,262,516	4	KHẢ QUAN	88,441	8.7	1.7
MBS	23.2	1,535,630	-4	TIÊU CỰC	3,812	11.1	1.8
MSN	95	3,022,465	-6	TIÊU CỰC	111,595	74.2	6.9
MWG	140.2	1,052,495	0	TRUNG TÍNH	66,655	15.5	3.9
NKG	30	5,043,010	7	KHẢ QUAN	5,160	9.0	1.5
NLG	38.8	2,154,720	5	KHẢ QUAN	11,069	9.7	1.7
NVB	16.8	5,671,170	-6	TIÊU CỰC	6,834	5,638.9	1.6
NVL	135.8	2,861,220	3	TRUNG TÍNH	145,946	32.4	4.6
PDR	70.9	3,658,690	-4	TIÊU CỰC	34,512	26.3	6.5
PET	20.7	1,845,440	2	TRUNG TÍNH	1,730	11.2	1.1
PHR	50	652,750	-4	TIÊU CỰC	6,775	7.1	2.1
PLX	50.7	1,387,335	2	TRUNG TÍNH	63,061	17.4	2.7
PNJ	95.5	678,060	-4	TIÊU CỰC	21,714	19.2	3.8
POW	12.1	14,866,075	-2	TRUNG TÍNH	28,337	11.7	1.0
PVD	19.5	5,712,615	0	TRUNG TÍNH	8,212	126.8	0.6
PVS	20.6	9,025,285	-2	TRUNG TÍNH	9,846	15.0	0.8
PVT	16.3	3,126,150	-2	TRUNG TÍNH	5,276	7.1	1.1
REE	56.1	623,945	7	KHẢ QUAN	17,338	9.7	1.5
ROS	6.2	43,201,376	-6	TIÊU CỰC	3,519	193.4	0.6
S99	22.1	1,775,320	-5	TIÊU CỰC	1,159	6.4	1.5
SBT	19.35	2,867,815	-7	TIÊU CỰC	11,942	17.1	1.5
SCR	8.09	6,353,235	-7	TIÊU CỰC	2,964	16.8	0.6
SHB	24.5	20,133,704	-2	TRUNG TÍNH	47,176	14.1	1.8
SHS	27.6	8,214,660	-2	TRUNG TÍNH	5,721	5.8	1.5
SSI	32.7	12,767,150	-2	TRUNG TÍNH	21,120	11.8	1.9
STB	24	42,022,516	4	KHẢ QUAN	43,288	16.0	1.5
TCB	47.05	14,353,970	6	KHẢ QUAN	164,906	11.5	2.1
TCH	21.9	7,177,360	-2	TRUNG TÍNH	8,200	8.6	1.5
TIG	14.5	2,241,645	5	KHẢ QUAN	1,318	15.3	1.3
TLH	17.3	2,961,585	5	KHẢ QUAN	1,741	22.9	1.1
TNG	20.6	2,003,165	-7	TIÊU CỰC	1,638	11.0	1.3
TPB	29.1	5,570,535	1	TRUNG TÍNH	30,021	7.6	1.7
TSC	11.3	3,604,190	4	KHẢ QUAN	1,668	99.1	1.0
TTF	6.95	7,992,880	-4	TIÊU CỰC	2,163	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	97	2,086,670	-7	TIÊU CỰC	359,761	17.0	3.6
VCI	63.8	1,526,565	6	KHẢ QUAN	10,565	11.2	2.2
VHM	97.1	5,764,245	-7	TIÊU CỰC	319,412	12.3	3.5
VIB	58.7	964,035	7	KHẢ QUAN	65,121	12.5	3.4
VIC	132	2,568,050	-6	TIÊU CỰC	446,481	60.7	5.5
VIX	30.6	8,022,025	-4	TIÊU CỰC	3,908	5.8	1.9
VJC	119.5	539,455	-7	TIÊU CỰC	64,723	53.0	4.3
VND	39.5	6,842,185	5	KHẢ QUAN	8,473	7.3	1.9
VNM	87	4,521,660	-7	TIÊU CỰC	181,826	18.6	5.8
VPB	61.5	15,848,855	2	TRUNG TÍNH	150,967	13.3	2.7
VPI	34.6	1,283,500	-7	TIÊU CỰC	6,920	22.7	2.5
VRE	31	7,382,885	-6	TIÊU CỰC	70,442	26.4	2.3

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Fed cảnh báo hàng loạt nguy cơ trên thị trường tài chính Mỹ

Trong báo cáo bán niên về ổn định tài chính, Fed cho biết hệ thống nhìn chung vẫn ổn định dù chịu ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, rủi ro đang tăng lên, đặc biệt là nếu đợt tăng của Phố Wall “hụt hơi”. Nhà đầu tư mua vào cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp và tiền điện tử. Họ rót hàng tỷ USD vào những công ty mua lại mục đích đặc biệt (SPAC). Chủ tịch Fed Jerome Powell cùng nhiều quan chức khác từng nhiều lần được hỏi về việc họ có lo ngại trước tình trạng tăng giá trên không. Powell có lần trả lời miễn là lãi suất giữ thấp, định giá sẽ hợp lý. Báo cáo cũng lưu ý sự nguy hiểm nếu tâm lý thị trường thay đổi. “Giá tài sản cao phần nào phản ánh lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ tiếp tục thấp. Tuy nhiên, định giá một số tài sản đang tăng quá cao so với trong quá khứ nếu sử dụng các thước đo có tính đến lợi suất trái phiếu. Trong trường hợp này, giá tài sản có thể bị ảnh hưởng nếu nhu cầu giảm”. Thống đốc Fed Lael Brainard nói cần theo dõi tình hình và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo hệ thống có biện pháp bảo vệ phù hợp. Bà đề cập việc các ngân hàng cần tăng yêu cầu về vốn trong giai đoạn kinh tế tăng trưởng để đề phòng.

WHO cảnh báo làn sóng Covid-19 mới ở châu Phi

"Chậm cung cấp vaccine từ Viện Huyết thanh Ấn Độ tới châu Phi, chậm triển khai vaccine và nhiều biến chủng mới xuất hiện, đồng nghĩa với việc nguy cơ bùng phát một làn sóng lây nhiễm mới ở châu Phi là rất cao", văn phòng Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tại châu Phi cảnh báo hôm 6/5. Cơ quan y tế của Liên Hợp Quốc nói thêm các biến chủng mới như biến chủng xuất hiện ở Ấn Độ và Nam Phi có thể tạo ra "làn sóng thứ ba" trên lục địa này. "Thảm kịch ở Ấn Độ không nhất thiết xảy ra ở châu Phi, nhưng chúng ta phải đặt cảnh báo ở mức cao nhất có thể", Matshidiso Moeti, giám đốc khu vực châu Phi của WHO, nói. "Trong khi chúng ta kêu gọi công bằng vaccine, châu Phi cũng nên tích cực làm điều tốt nhất với những gì đang có. Chúng ta phải tiêm mọi liều vaccine đang có cho người dân".

IMF dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng rất tích cực

Năm 2020, 2,91% là con số tăng trưởng dương hiếm có trong bối cảnh hầu hết các nền kinh tế trên thế giới tăng trưởng âm. Thành tựu này có được chủ yếu nhờ các chính sách ngăn chặn dịch bệnh cực kỳ chủ động, hiệu quả được đưa ra rất sớm vào đầu năm 2020 và kết quả đó thực sự cho thấy những gì có thể đạt được với một phản ứng về y tế mạnh mẽ. Đối với năm 2021, IMF dự báo mức tăng trưởng của Việt Nam rất tích cực, ở mức 6% hoặc 7%. Thông điệp mà chúng tôi muốn truyền tải là, Việt Nam cần đảm bảo rằng, đang tiếp tục hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong nền kinh tế như đã và đang làm, đồng thời tiếp tục triển khai chương trình tiêm chủng vắc-xin vừa được bắt đầu trên cả nước. Câu chuyện tăng trưởng của Việt Nam trong 3 thập kỷ qua rất đáng chú ý, vì đây là sự tăng trưởng bền vững và bao trùm, giúp thúc đẩy mức sống của người dân. Nhờ những cải cách theo định hướng thị trường, cải thiện môi trường kinh doanh và giúp thu hút đáng kể vốn FDI, Việt Nam từ một nước trong nhóm những nước nghèo nhất thế giới đã trở thành nước có thu nhập trung bình thấp.

Ấn Độ không áp thuế chống bán phá giá xơ sợi nhân tạo Việt Nam

Hôm nay (6/5), Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương Việt Nam đã nhận được thông tin từ Bộ Tài chính Ấn Độ về việc không áp thuế chống bán phá giá đối với một số sản phẩm xơ sợi staple nhân tạo (viscose spun yarn) nhập khẩu từ Trung Quốc, Indonesia và Việt Nam. Trước đó, ngày 30/12/2020, Bộ Công Thương Ấn Độ đã ban hành kết luận sơ bộ về việc điều tra chống bán phá giá đối với một số sản phẩm xơ sợi staple nhân tạo có nguồn gốc từ Trung Quốc, Indonesia và Việt Nam. Kết luận sơ bộ đề xuất áp thuế chống bán phá giá ở mức 0,25- 0,8 USD/kg đối với sản phẩm bị điều tra và mức thuế đối với sản phẩm từ Việt Nam được đề xuất là 0,41USD/kg.

Việt Nam vượt Trung Quốc trở thành nhà xuất khẩu đồ nội thất lớn nhất sang Mỹ

Theo nghiên cứu của Furniture Today, Việt Nam đã xuất 7,4 tỷ USD đồ nội thất sang Mỹ trong năm dương lịch 2020, tăng 31% so với năm 2019. Trong khi đó, Trung Quốc đã xuất 7,33 tỷ USD sang Mỹ trong cùng kỳ, giảm 25% so với năm 2019. Trong hơn hai năm qua, Chính phủ Mỹ áp đặt mức thuế cao tới 25% đối với hầu hết các loại đồ nội thất. Nửa cuối năm 2018, khi thuế quan của Trung Quốc bắt đầu ở mức 10%, ngành công nghiệp này đã bắt đầu chuyển ra khỏi Trung Quốc, mặc dù lúc đầu còn chậm. Các lô hàng đồ nội thất của Trung Quốc giảm 1% xuống 13,6 tỷ USD. Trong khi đó, các lô hàng của Việt Nam đã tăng 9% lên 4,2 tỷ USD (từ 3,9 tỷ USD trong năm 2017). Một sự thay đổi mạnh mẽ hơn đã xảy ra vào năm 2019, khi các lô hàng của Trung Quốc giảm 28% xuống còn 9,7 tỷ USD. Trong khi đó, các lô hàng của Việt Nam tăng 35% lên khoảng 5,7 tỷ USD. Như vậy, hai năm biến động cuối cùng đã đưa Việt Nam vượt lên trước Trung Quốc trong việc xuất khẩu đồ nội thất sang Mỹ.

GMD: khởi công 2 dự án cảng với tổng đầu tư hơn 6.000 tỷ đồng vào nửa cuối năm

Theo báo cáo thường niên 2020, Gemadept ([HoSE: GMD](#)) cho biết để chuẩn bị cho kế hoạch tăng trưởng giai đoạn 2021-2025 sẽ tiếp tục đầu tư dự án cảng nước sâu Gemalink giai đoạn 2 với tổng vốn đầu tư 190 triệu USD (khoảng 4.370 tỷ đồng), công suất 900.000 Teus/năm, cỡ tàu tiếp nhận là 250.000 DWT. Doanh nghiệp dự kiến triển khai trong quý IV và đưa vào khai thác từ 2023. Cùng với đó, vào quý III, đơn vị khởi công dự án cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 2, tổng vốn đầu tư 1.700 tỷ đồng, công suất 500.000 Teus/năm, cỡ tàu tiếp nhận 40.000 DWT. Ban lãnh đạo Gemadept dự kiến dự án này có thể đưa vào khai thác từ năm 2023. Dự án này được khởi công từ tháng 11/2019 nhưng do dịch Covid-19 xuất hiện nên tạm dừng để tập trung cho dự án cảng nước sâu Gemalink giai đoạn 1. Như vậy, trong nửa cuối năm 2021, Gemadept sẽ khởi công 2 dự án cảng với tổng đầu tư 6.070 tỷ đồng. Trong năm 2020, bất chấp đại dịch Covid-19, doanh nghiệp đã giải ngân 7.600 tỷ đồng cho dự án cảng nước sâu Gemalink giai đoạn 1. Nhờ vậy, ngay từ tháng 1, cảng tiếp nhận chuyển tàu thử nghiệm có tải trọng 157.000 DWT, chiều dài 365,98 m và chiều ngang 51 m, sẵn sàng để vận hành thương mại trong năm 2021. Tổng công suất của Gemalink sau 2 giai đoạn là 2,4 triệu Teus với tổng đầu tư 520 triệu USD, khi đưa vào vận hành toàn bộ sẽ nâng năng lực khai thác cảng Gemadept lên gấp đôi. Dự án này do liên doanh giữa Gemadept và Tập đoàn CMA-CGM góp vốn đầu tư, tỷ lệ góp vốn lần lượt 75% và 25%

HPG: Sản lượng bán hàng Hòa Phát tháng 4 đạt 869.000 tấn, giảm 13% so với tháng trước

Theo thông tin từ Tập đoàn Hòa Phát ([HoSE: HPG](#)), sản lượng bán hàng trong tháng 4 đạt 869.000 tấn sản phẩm thép các loại, tăng 65% so với cùng kỳ năm trước và giảm 13,1% so với tháng trước. Trong đó, thép xây dựng thành phẩm đạt 428.000 tấn, tăng hơn 59% so với cùng kỳ, giảm 11% so với tháng trước; thép cuộn cán nóng (HRC) đạt 212.000 tấn, giảm nhẹ so với tháng trước; phi thép xuất khẩu đạt 121.000 tấn, chủ yếu xuất sang Trung Quốc. Với thép xây dựng, sản lượng bán hàng ở tất cả các vùng miền đều tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Khu vực miền Bắc và miền Trung tăng mạnh nhất, lần lượt là 66% và 67%. Khu vực miền Nam đạt mức tăng 34%. Hòa Phát xuất khẩu 73.000 tấn thép xây dựng, cao gấp 3,5 lần so với cùng kỳ năm trước. Doanh nghiệp cho biết trong tháng khai thác được thêm thị trường mới là Peru. Các thị trường truyền thống như Úc, Nhật, Canada, ASEAN... vẫn liên tục đặt hàng với khối lượng lớn. Lũy kế 4 tháng, tập đoàn đã sản xuất hơn 2,7 triệu tấn thép thô, tăng 58% so với cùng kỳ 2020. Hòa Phát bán ra 2,66 triệu tấn phi thép, thép xây dựng thành phẩm và HRC. Riêng thép xây dựng đạt 1,28 triệu tấn, tăng 28%, trong đó thành phẩm xuất khẩu là 220.000 tấn, tăng hơn 42%. Sản lượng phi vuông xuất khẩu đạt 507.000 tấn, tăng nhẹ so với cùng kỳ. Bán hàng thép cuộn cán nóng đạt 878.000 tấn, cùng kỳ chưa bán hàng ra bên ngoài.

BBC: kỳ vọng lãi 100 tỷ đồng trong năm 2021

HDQT Công ty cổ phần Bibica ([HNX: BBC](#)) sẽ trình cổ đông kế hoạch doanh thu thuần 2.000 tỷ đồng cùng lợi nhuận sau thuế 100 tỷ đồng, tăng lần lượt 64% và 4% so với kết quả năm ngoái. Riêng trong 3 tháng đầu năm nay, Bibica ghi nhận lợi nhuận sau thuế hơn 7,4 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm 2020 chỉ hơn 1 tỷ đồng, tương đương tăng 579,85%. Theo giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trong quý đầu năm nay gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước, ban lãnh đạo công ty cho biết, lợi nhuận gộp tăng hơn 90% là 1 trong các lý do tạo nên kết quả trên. “Chúng tôi hào hứng đón chào năm 2021 với những kỳ vọng mới, sẵn sàng chấp nhận những thử thách mới, duy trì cải tiến, liên tục đổi mới, để đưa Bibica phát triển bền vững trong nhiều thập kỷ tới”, ông Trương Phú Chiến, Chủ tịch HĐQT Bibica chia sẻ trong báo cáo thường niên năm 2020.

BCM: tăng cổ tức năm 2020 lên 8%, dừng kế hoạch tăng vốn

Năm 2021, Becamex đề ra mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất 8.900 tỷ đồng, tăng 15% so với năm ngoái. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 2.300 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2020. Riêng mục tiêu lợi nhuận sau thuế công ty mẹ tăng đến 44% lên 1.119 tỷ đồng. Theo báo cáo tài chính quý I, tổng công ty ghi nhận doanh thu tăng 14% lên gần 1.400 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế thu về gần 468 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ và thực hiện hơn 20% kế hoạch năm Năm ngoái, Becamex có lợi nhuận sau thuế công ty mẹ là 778 tỷ đồng. Sau khi trích lập các quỹ theo quy định, HĐQT trình phương án chia cổ tức 8%, tương đương số tiền 828 tỷ đồng. Đây là mức cao gấp đôi so với con số kế hoạch 4% đầu năm ngoái. Công ty cũng sử dụng gần như toàn bộ lợi nhuận lũy kế, nên phần còn lại để chuyển sang năm 2021 chỉ còn 77 tỷ đồng. Cộng với kế hoạch lãi 1.119 tỷ đồng, HĐQT trình phương án chia cổ tức năm 2021 là 6%.

BCG: lãi kỷ lục trong quý I đạt 163 tỷ đồng

Theo BCTC hợp nhất quý I, Bamboo Capital (HoSE: [BCG](#)) ghi nhận doanh thu thuần tăng 65%, đạt 634 tỷ đồng. Giá vốn hàng bán tăng thấp hơn nên lợi nhuận gộp tăng 167% đạt 203,5 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 20% đến 32%. Doanh thu tài chính cao đột biến 313 tỷ đồng, gấp 6 lần cùng kỳ năm 2020. Trong đó, lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu đạt 124 tỷ đồng, gấp khoảng 4 lần quý I/2020. Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư cũng tăng gấp 20 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên chi phí tài chính cũng tăng mạnh từ 53 tỷ đồng lên 222 tỷ đồng, chủ yếu đến từ tăng chi phí lãi vay, lãi trái phiếu gấp 3 lần cùng kỳ năm ngoái, đạt 135 tỷ đồng. Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư cũng tăng 8 lần lên 64 tỷ đồng. Chi phí tài chính khác tăng 28 lần từ 791 triệu đồng lên 22 tỷ đồng. Chi phí bán hàng giảm 29% còn 23,5 tỷ nhưng chi phí quản lý tăng gấp 2 lần lên 71,5 tỷ đồng. Hoạt động liên doanh liên kết báo lỗ 5,3 tỷ đồng, lãi từ hoạt động khác đạt hơn 6 tỷ đồng. Kết quả, công ty báo lãi sau thuế đạt 163 tỷ đồng, gấp 20 lần cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ 118 tỷ đồng, gấp hơn 90 lần cùng kỳ. Đây là mức lãi kỷ lục trong 1 quý của doanh nghiệp.

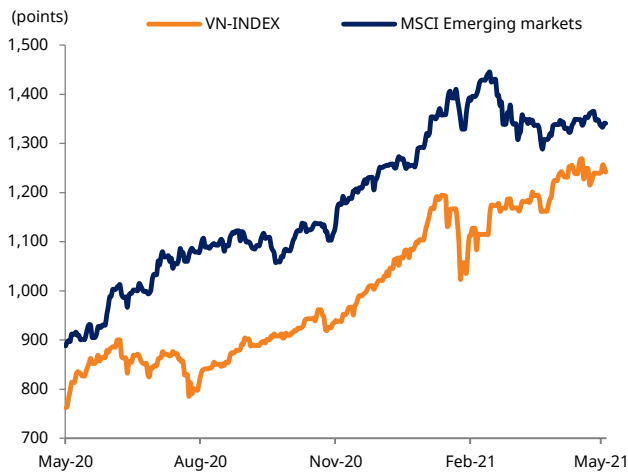
HDC: sắp phát hành 16,7 triệu cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 25%

Công ty Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu (Hodeco, [HoSE: HDC](#)) công bố Nghị quyết HĐQT triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020. Theo đó, doanh nghiệp sẽ phát hành 16,6 triệu cổ phiếu để trả cổ tức tỷ lệ 25%, 4 cổ phiếu được thêm 1 cổ phiếu mới. Vốn điều lệ Hodeco dự kiến tăng lên 831 tỷ đồng. Nguồn thực hiện lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến 31/12/2020 (279 tỷ đồng). Thời gian thực hiện dự kiến trong quý II. Năm 2020, Hodeco báo cáo doanh thu thuần 839 tỷ đồng, tương đương năm 2019; lãi sau thuế 231 tỷ đồng, tăng 58% nhờ biên lợi nhuận gộp cải thiện. Doanh nghiệp lý giải doanh thu năm 2020 chủ yếu đến từ dự án Tây 3/2, Ecotown Phú Mỹ và Ngọc Tước 2, đây đều là các dự án có tỷ suất lợi nhuận cao đặc biệt là Ngọc Tước.

GTA: chốt quyền chia cổ tức tiền mặt 12%

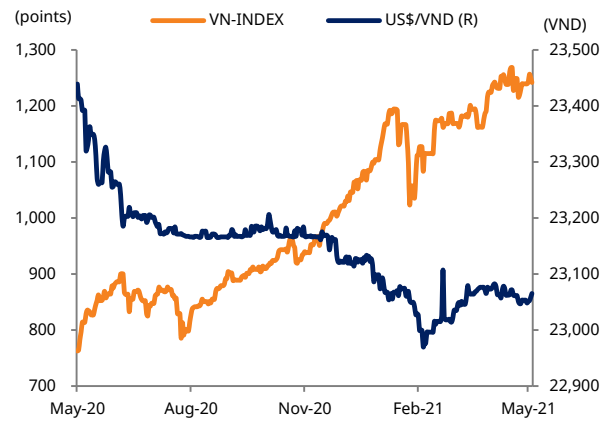
Công ty chế biến gỗ Thuận An (HoSE: [GTA](#)) thông báo ngày 21/5 là ngày chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt tỷ lệ 12% (1 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng). Ngày thanh toán dự kiến là 10/6. Với gần 10 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền doanh nghiệp dự kiến chi ra để thanh toán cổ tức đợt này khoảng 11,8 tỷ đồng. Trong năm 2020, Gỗ Thuận An đạt 568 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 14% so với năm 2019; lãi sau thuế đạt 18,3 tỷ đồng, xấp xỉ năm ngoái. Với kết quả này, Gỗ Thuận An chốt chia cổ tức 2020 tỷ lệ 12%. Sang năm 2021, công ty lên kế hoạch doanh thu đạt trên 593,6 tỷ đồng, tăng 4,6%; lãi sau thuế tối thiểu 18,9 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2020. Tỷ lệ cổ tức kế hoạch duy trì mức 12%.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



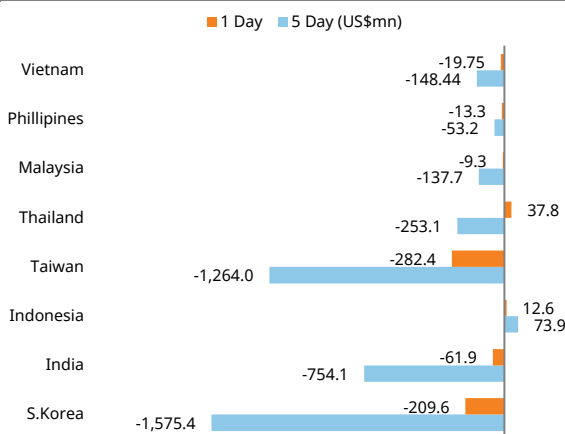
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



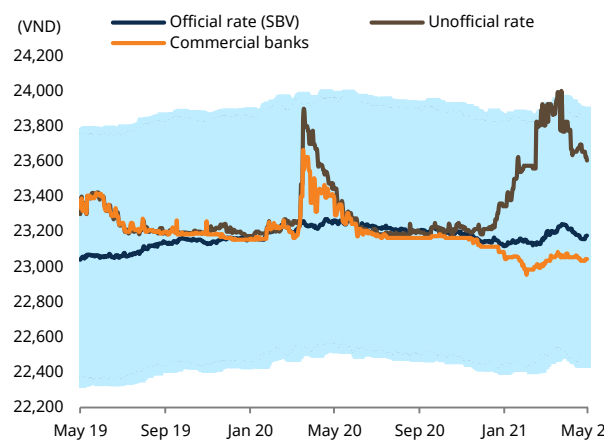
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



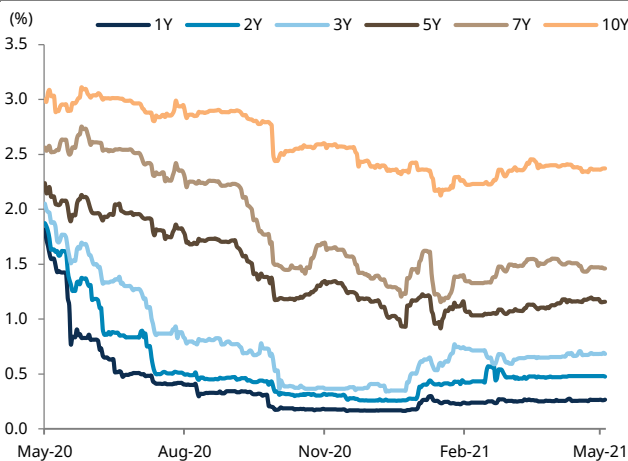
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



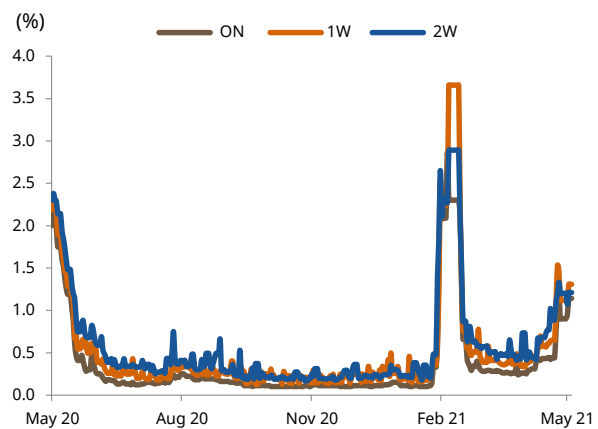
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,340.73	3,335,105		-0.3	2.2	6.6	81.2	14.1	11.6	2.5	2.2	6.4	21.3	20.1	19.9
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	40,650	163,495	16.8	-1.5	-0.9	-10.8	8.3	16.5	11.6	1.8	1.5	70.1	41.8	12.0	15.2
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	54,200	40,234	27.3	-3.2	-5.4	-14.5	15.4	23.4	19.8	1.9	1.8	11.5	18.2	8.2	9.5
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	43,800	163,085	26.0	2.1	7.4	1.9	114.7	9.3	8.4	1.6	1.4	28.4	10.0	19.5	19.0
CTCP FPT	FPT VN	83,000	65,497	49.0	0.4	2.6	4.3	78.4	16.5	13.9	3.6	3.1	21.9	18.8	24.4	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	84,000	160,772	2.6	-1.1	0.6	-5.7	22.3	15.8	15.1	3.1	2.9	32.1	4.3	19.5	20.0
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	30,000	47,813	17.3	4.2	10.1	8.1	132.4	8.8	7.4	1.8	1.5	28.2	19.0	20.4	20.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	60,800	201,448	30.3	2.4	4.6	23.0	209.2	9.8	8.6	2.6	2.3	61.7	13.8	29.2	26.0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	36,300	20,285	32.2	-0.4	3.3	17.7	80.2	16.7	12.5	2.3	2.0	5.5	33.6	15.2	17.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	31,600	88,441	22.9	0.0	4.1	-0.6	125.0	8.5	7.1	1.6	1.3	25.9	19.6	20.0	20.4
Tập đoàn Masan	MSN VN	95,000	111,595	32.8	-0.6	-3.1	1.3	61.6	40.6	24.6	5.9	4.7	122.1	64.8	13.8	20.5
CTCP Thế giới di động	MWG VN	140,200	66,655	50.0	-1.3	-0.5	4.2	69.7	13.4	10.7	3.3	2.8	21.3	25.2	27.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	135,800	145,946	8.2	0.1	3.3	54.1	158.7	34.0	26.3	4.4	3.7	0.5	29.2	13.5	15.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	70,900	34,512	2.9	-1.3	1.0	15.3	302.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	50,700	63,061	16.1	-0.2	0.8	-9.1	20.6	19.0	15.3	2.7	2.6	289.7	24.1	16.6	17.4
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	95,500	21,714	49.0	-0.5	-2.6	7.9	66.1	17.4	13.6	3.7	3.1	27.3	27.6	22.7	23.9
TCT Điện Lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,100	28,337	3.5	-1.6	-1.6	-13.3	18.6	13.3	11.2	0.9	0.9	-9.2	19.1	7.4	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	56,100	17,338	49.0	1.8	4.7	5.3	83.3	9.7	8.3	1.3	1.6	9.8	17.8	14.6	13.0
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	19,350	11,942	8.3	-2.5	-3.3	-14.8	35.8	16.6	NA	1.4	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	32,700	21,120	46.1	-0.5	0.3	-7.5	147.7	14.6	13.6	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	24,000	43,288	11.2	-1.6	0.4	7.6	157.0	16.5	10.0	1.4	1.3	16.3	66.0	9.7	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	47,050	164,906	22.5	-0.1	14.8	11.5	165.8	11.0	9.4	1.9	1.6	21.5	16.7	18.4	17.9
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,900	8,200	11.0	-3.5	0.9	-17.0	-0.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	29,100	30,021	30.0	3.4	6.2	1.0	96.4	7.3	5.6	1.4	1.2	16.8	30.4	23.3	23.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	97,000	359,761	23.4	-2.3	-3.0	-4.8	39.2	16.8	13.6	3.0	2.6	29.1	23.3	20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	97,100	319,412	22.5	-1.6	-2.2	-3.4	43.6	10.4	8.7	2.8	2.1	11.9	20.4	31.2	28.3
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	132,000	446,481	14.6	-0.4	0.8	3.4	37.5	82.3	52.4	4.8	4.3	-5.2	57.0	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	119,500	64,723	19.1	-2.0	-4.3	-10.2	3.7	57.9	20.5	3.8	3.1	1,476.7	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	87,000	181,826	55.4	-2.9	-7.0	-13.1	1.0	17.0	15.6	5.3	4.9	7.2	9.1	34.5	34.9
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	61,500	150,967	22.7	-0.5	5.1	32.3	187.4	12.5	10.5	2.4	1.9	15.4	19.0	20.2	19.2
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31,000	70,442	30.3	-0.6	-3.1	-12.4	25.0	24.7	19.8	2.2	2.0	19.6	24.9	9.3	10.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	2.42	4,688,827	-0.7	0.2	0.0	55.9	15.3	12.4	2.5	2.1	10.8	23.5	18.5	18.7
Ô tô và phụ tùng	-0.02	8,093	-1.6	-0.7	-4.1	33.4	5.8	5.4	1.1	1.0	33.5	6.3	11.5	11.1
Ngân hàng	10.87	1,492,363	-0.3	3.1	3.9	79.9	12.1	9.8	2.0	1.7	29.3	22.5	18.3	18.7
Xây dựng cơ bản	-0.57	174,090	-1.6	-1.1	-3.9	78.8	5.5	3.9	0.4	0.4	5.7	34.4	5.3	5.6
Dịch vụ thương mại	-0.03	4,377	0.0	-2.3	-6.1	22.1	6.1	4.9	NA	NA	31.9	26.2	11.1	13.0
May mặc và trang sức	-0.31	42,440	-1.1	-2.6	1.1	178.7	13.9	11.4	2.8	2.3	32.0	23.4	19.5	18.9
Dịch vụ tiêu dùng	-0.09	8,479	-1.5	-2.8	-11.4	31.4	10.9	3.8	NA	NA	NA	NA	3.4	9.0
Dịch vụ tài chính	0.06	59,628	-0.4	0.5	-6.9	138.1	10.3	4.8	0.3	NA	9.7	7.1	9.7	4.5
Năng lượng	0.16	79,443	-0.7	0.8	-9.7	33.4	18.7	14.2	2.3	2.2	NA	31.2	14.3	15.1
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-7.37	486,269	-1.9	-5.3	-8.7	22.3	21.0	15.5	4.3	3.7	45.2	26.0	22.2	23.5
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	863	-1.6	-4.3	-11.8	45.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,853	-0.7	-0.9	-5.5	0.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.60	47,024	-2.8	-4.5	-12.3	15.0	20.8	17.6	1.7	1.6	11.5	18.0	7.5	8.7
Nguyên vật liệu	2.35	426,875	1.0	2.4	9.3	158.1	11.9	11.5	1.9	1.3	44.7	3.7	19.4	17.5
Giải trí và truyền thông	-0.04	1,712	-3.2	-7.8	-18.1	-24.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.04	34,892	-2.4	-5.6	2.0	88.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-0.39	1,214,411	-1.6	-0.3	-0.4	20.6	9.0	7.9	1.7	1.5	14.7	11.2	9.6	9.7
Bán lẻ	-0.12	75,235	-0.8	-0.1	6.5	66.5	39.2	26.3	3.3	2.8	24.4	30.3	14.2	14.8
Phần mềm và dịch vụ	0.45	69,569	-1.0	-0.6	4.1	66.6	12.4	9.9	3.0	2.5	35.2	24.8	25.1	25.2
Thiết bị và phần cứng	0.09	5,117	0.3	2.5	3.7	76.0	15.5	13.1	3.3	2.9	26.1	18.7	23.0	24.3
Dịch vụ viễn thông	-0.01	1,147	1.4	6.7	-4.8	347.4	13.0	10.9	3.5	2.8	46.8	20.0	27.0	27.7
Vận tải	-1.66	160,440	4.7	-2.5	-2.5	269.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.02	245,428	-1.7	-3.7	-10.6	21.0	25.6	10.1	4.3	3.5	NA	67.9	-18.1	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index
Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
TCB VN	47,050	14.8	25,344,960	5.6
CTG VN	43,800	7.4	21,458,000	3.0
HPG VN	60,800	4.6	27,300,860	2.4
VPB VN	61,500	5.1	30,705,420	2.0
NVL VN	135,800	3.3	2,262,220	1.3
HDB VN	30,000	10.1	9,578,780	1.2
MBB VN	31,600	4.1	22,578,080	0.9
VIB VN	58,700	5.6	1,254,460	0.9
VIC VN	132,000	0.8	1,603,120	0.9
HSG VN	36,700	15.6	16,629,260	0.6

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VNM VN	87,000	-7.0	5,719,580	-3.6
VCB VN	97,000	-3.0	1,676,940	-3.0
SAB VN	153,000	-8.4	255,060	-2.4
VHM VN	97,100	-2.2	4,104,240	-1.9
GVR VN	24,800	-3.7	2,785,940	-1.0
MSN VN	95,000	-3.1	2,002,160	-0.9
VJC VN	119,500	-4.3	481,820	-0.8
HVN VN	27,200	-6.2	859,320	-0.7
BVH VN	54,200	-5.4	854,540	-0.6
VRE VN	31,000	-3.1	6,733,260	-0.6

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.